

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/DS-ST;
Ngày: 02/12/2021;
V/v tranh chấp “Đòi tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Lê Thị Minh Thắm**;

2/ Bà **Lê Thị A Trang**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Cường**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐXX-ST ngày 29/10/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Ánh A** – sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 90 Khu phố M, Phường N, thành phố K, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện uỷ quyền: **Trần Văn B** – sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 171 ấp P, xã H, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Giấy uỷ quyền ngày 15/3/2021).

* Bi đơn: **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: 113, ấp F, xã E, thành phố K, tỉnh Tiền Giang.

(Anh B và chị C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn anh Trần Văn B trình bày: Do chỗ quen biết nên chị Nguyễn Thị C có bán cho chị Nguyễn Thị Ánh A tổng cộng 10 dây hụi. Cụ thể:

1/ Dây hụi khai ngày 20/3/2018 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 23 phần, hụi viên bỏ hụi là 580.000 đồng nên dây hụi này chị A mua với số tiền là (1.420.000đ x 23 phần) – 1.000.000 đồng tiền hoa A = 31.660.000 đ.

2/ Dây hụi khai ngày 30/11/2018 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 25 phần, hụi viên bỏ hụi là 600.000 đồng nên dây hụi này chị A mua với số tiền là (1.400.000đ x 25 phần) – 1.000.000 đồng tiền hoa A = 34.000.000 đ.

3/ Dây hụi khui ngày 20/12/2018 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 22 phần, hụi viên bỏ hụi là 600.000 đồng nên dây hụi này chị A mua với số tiền là $(1.400.000đ \times 22 \text{ phần}) - 1.000.000 \text{ đồng tiền hoa A} = 29.800.000 \text{ đ.}$

4/ Dây hụi khui ngày 10/02/2019 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 26 phần, hụi viên bỏ hụi là 600.000 đồng nên dây hụi này chị A mua với số tiền là $(1.400.000đ \times 26 \text{ phần}) - 1.000.000 \text{ đồng tiền hoa A} = 35.400.000 \text{ đ.}$ Dây hụi này, chị A mua hai phần là $35.400.000 \text{ đ} \times 2 = 70.800.000 \text{ đồng.}$

5/ Dây hụi khui ngày 29/5/2019 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 35 phần, hụi viên bỏ hụi là 300.000 đồng, chị A mua 03 phần nên dây hụi này chị A mua với số tiền là $\{(700.000đ \times 35 \text{ phần}) - 500.000 \text{ đồng tiền hoa A}\} \times 03 \text{ phần} = 72.000.000 \text{ đ.}$

6/ Dây hụi khui ngày 20/7/2019 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 26 phần, hụi viên bỏ hụi là 300.000 đồng, chị A mua 02 phần nên dây hụi này chị A mua với số tiền là $[(700.000đ \times 26 \text{ phần}) - 500.000 \text{ đồng tiền hoa A}] \times 02 \text{ phần} = 35.400.000 \text{ đ.}$

7/ Dây hụi khui ngày 20/8/2019 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 26 phần, hụi viên bỏ hụi là 310.000 đồng, một phần hụi chết nên dây hụi này chị A mua với số tiền là $[(690.000đ \times 25 \text{ phần}) + 1.000.000 \text{ phần hụi chết}] - 500.000 \text{ đồng tiền hoa A} = 17.750.000 \text{ đ.}$

8/ Dây hụi khui ngày 20/8/2019 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 27 phần, hụi viên bỏ hụi là 310.000 đồng, một phần hụi chết nên dây hụi này chị A mua với số tiền là $[(690.000đ \times 26 \text{ phần}) + 1.000.000 \text{ đồng phần hụi chết}] - 500.000đ \text{ tiền hoa A} = 18.440.000 \text{ đ.}$

9/ Dây hụi khui ngày 15/02/2020 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 26 phần, hụi viên bỏ hụi là 350.000 đồng, 01 phần hụi chết nên dây hụi này chị A mua với số tiền là $[(650.000đ \times 25 \text{ phần}) + 1.000.000 \text{ đồng phần hụi chết}] - 500.000đ \text{ tiền hoa A} = 16.750.000 \text{ đ.}$

10/ Dây hụi khui ngày 20/3/2020 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 21 phần, hụi viên bỏ hụi là 700.000 đồng, chị A mua hai phần, 01 phần hụi chết nên dây hụi này chị A mua với số tiền là $\{[(1.300.000đ \times 20 \text{ phần}) + 1.000.000 \text{ đồng hụi chết}] - 10.000.000đ \text{ tiền hoa A}\} \times 02 \text{ phần} = 54.000.000 \text{ đ.}$

Tổng số tiền chị A mua hụi từ chị C là 380.600.000đ. Khi mua hụi, chị A thoả thuận trực tiếp với chị C, đồng thời giao tiền cho chị C và chị C có viết biên nhận, ký tên vào 10 giấy lãnh hụi cho chị A. Chị A không có thoả thuận mua hụi với các hụi viên nên chị A không biết rõ họ tên, năm sinh và địa chỉ của các hụi viên ghi phía dưới biên nhận nhận tiền.

Chị Nguyễn Thị C tuyên bố vỡ hụi vào ngày 10/6/2020 âm lịch, từ khi bể hụi cho đến nay, chị C không thanh toán tiền hụi mà chị A đã mua hụi từ chị C.

Nay chị A xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi số 10; Dây hụi khui ngày 20/3/2020 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 21 phần, hụi viên bỏ hụi là 700.000 đồng, chị A mua hai phần, 01 phần hụi chết nên dây hụi này chị A mua với số tiền là $\{[(1.300.000đ \times 20 \text{ phần}) + 1.000.000 \text{ đồng hụi chết}] -$

10.000.000đ tiền hoa A} x 02 phần = 54.000.000đ. Lý do rút đơn, khi viết biên nhận tiền cho chị A, chị C viết bằng viết đen nên nay chị A không có chứng cứ gì chứng minh biên nhận này chị C viết bằng viết đen.

Nay chị A yêu cầu chị Nguyễn Thị C trả lại cho chị A số tiền 326.600.000 đồng mà chị A đã đưa cho chị C, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 16/11/2021, anh Trần Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt do bận việc gia đình.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị C vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị A khởi kiện yêu cầu chị C trả cho chị A số tiền chị A mua hụi từ chị C là 326.600.000 đồng, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Đòi tài sản” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú tại ấp F, xã E, thành phố K, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố K có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Các giấy mua hụi do chị A cung cấp đều có tên của những hụi viên được viết ở phía trên gốc trái gồm 6 Hiền, Mỹ Hiền, Khánh, Hạnh F7, Thuận, 5 Thưa và Phụng. Ngày 07/5/2021, Tòa án đã ban hành Thông báo số 77/TB-TA về việc yêu cầu chị A cung cấp họ tên, năm sinh và địa chỉ của các hụi viên nêu trên tuy nhiên chị A không cung cấp được. Xét thấy, căn cứ vào các giấy giao tiền hụi do chị A cung cấp thể hiện chị A thỏa thuận mua hụi và giao tiền hụi trực tiếp cho chị C. Do đó, các hụi viên có tên ở phía trên gốc trái giấy giao hụi không liên quan đến việc thỏa thuận mua hụi của hai bên nên Tòa án không đưa các hụi viên có tên trong giấy giao hụi vào tham gia tố tụng.

[3.2] Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt; chị C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ Điều 228 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị C về với số tiền 54.000.000 đồng của dây hụi khai ngày 20/3/2020 âm lịch. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ theo quy định.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị A, Tòa án xét thấy:

Căn cứ vào đơn xác nhận ngày 12/5/2021 của Công an Phường T, thành phố Mỹ Tho có đủ cơ sở xác định chị Nguyễn Thị Ánh A có tên thường gọi là chị 9 (hoặc chị chín Nho).

Căn cứ vào 09 giấy viết tay do chị A cung cấp thể hiện tổng số tiền hụi chị A mua hụi từ chị C là 326.600.000 đồng, người lãnh hụi là chị C, phía dưới mỗi giấy giao tiền hụi đều có chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Thị C. Như vậy có đủ cơ sở kết luận, chị C đã bán cho chị A 09 dây hụi với tổng số tiền là 326.600.000 đồng. Theo như anh B trình bày, chị C tuyên bố vỡ hụi vào ngày 10/6/2020 âm lịch, từ khi bể hụi cho đến nay chị C không trả lại tiền vốn cho chị A. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị A là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự nên Tòa án chấp nhận.

[6] Chị C vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do chị A cung cấp để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí do yêu cầu của chị A được chấp nhận nên chị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn tạm ứng án phí cho chị A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 147, 227, 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh A đối với chị Nguyễn Thị C về số tiền mua hụi là 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng) của dây hụi khai ngày 20/3/2020 âm lịch.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh A đối với chị Nguyễn Thị C.

Buộc chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ánh A số tiền 326.600.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị C phải chịu 16.330.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm ba chục ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Ánh A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005517 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố K;
- Chi cục THADS thành phố K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy